

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
công trình kiến trúc có trên đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng,

- Ông Châu Kim Ba;

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2023/TLST-DS ngày 18/10/2023, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, công trình kiến trúc có trên đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Thanh G, sinh năm 1990; địa chỉ nơi cư trú: nhà số D T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; SĐT: 0939.272.770; có bà Lê Thị L, sinh năm: 1965; địa chỉ: khóm C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang làm đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 27/8/2024;

- Bị đơn: Ông Kim Thành K, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T, sinh năm 1958; cùng địa chỉ nơi cư trú: tổ G, ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông Kim Thành K và bà Lê Thị T cùng có mặt khi xét xử và tuyên án; Anh Võ Thanh G và bà Lê Thị L có mặt khi xét xử, nhưng vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Thanh G (có bà Lê Thị L làm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Anh Võ Thanh G có đất ở và đất trồng cây lâu năm có diện tích 1277,2m², thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, sổ vào sổ GCN: CH01327 tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang do UBND huyện (nay thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012, trên đất có căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 84,86m², diện tích sàn 169,72m², khung BTCT, nền lát gạch men, vách gạch, mái tôn, 02 tầng. Phần đất trên anh G nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thu N vào ngày 08/11/2021.

Ngày 07/12/2021, anh G thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A với số tiền 2.100.000.000 đồng, khi ngân hàng đến thẩm tra lại đất thì ông K và bà T ra ngăn cản nói đó là đất của ông K, bà T đang tranh chấp sang nhượng 200.000.000 đồng với ông H và bà N, do đó ngân hàng không thể định lại giá trị đất của ông G đang thế chấp, ông G xây dựng hàng rào bảo vệ đất của ông G nói trên thì ông K, bà T ngăn cản và UBND xã A cũng không cho anh G xây dựng hàng rào do có tranh chấp.

Nay, anh Võ Thanh G yêu cầu ông Kim Thành K và bà Lê Thị T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, trả lại cho ông Võ Thanh G phần đất diện tích 1277,2m², công trình kiến trúc và cây trồng có trên phần đất tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH189785, sổ vào sổ cấp GCN: CH01327 do UBND huyện (nay thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012 đã được Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý biến động cho anh Võ Thanh G vào ngày 19/11/2021.

Theo đơn lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Kim Thành K và bà Lê Thị T đồng trình bày: Ông Kim Thành K và ông Nguyễn Văn H cùng đi lính qua Campuchia thời chiến tranh năm 1980, nên quen biết nhau, ông H làm Công an ở Cửa khẩu T, ông H có rủ nhiều lần xuống nhà ông Hồng C, ông H có nói ông H sắp hưu nên có nói sẽ chuyển về sống gần ông K, nên ông H chuyển nhà về xã A sinh sống, nhưng xã A, thị xã T, tỉnh An Giang không đồng ý cho ông H nhập hộ khẩu về sinh sống, do ông H không có đất; Sau đó ông H có kêu ông Kim Thành K bán nhà 02 tầng, gắn liền với đất diện tích 1.277,2m², đất ở 800m², thửa đất số 3, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang vào năm 2012 với giá 1 tỷ, ông H xin bớt 200.000.000 đồng, nhưng ông H trả trước 500.000.000 đồng, nợ lại 300.000.000 đồng đến nay không trả; Nhiều lần ông Kim Thành K có gọi điện đòi tiền, thì ông H nói chuyện công tác về Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nói để từ từ trả tiền ông K, nhưng đến nay không trả. Năm 2022, ông Kim Thành K có tìm tới nhà cũ tại thành phố L, tỉnh An Giang, nhưng ông H cố tình trốn tránh không trả

nợ.

Hiện nay ông Kim Thành K và bà Lê Thị T có gửi đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thu N tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên để yêu cầu trả số tiền còn nợ, hiện nay được Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xem xét giải quyết. Từ khi ông H, bà N không trả tiền cho ông K, thì ông K đã viết chữ lên trên tường “ *Nhà này trả tiền chưa đủ, không ai được mua, nếu có mua thì liên hệ với tôi qua số điện thoại 0386617801* ” nước sơn màu đỏ từ năm 2019.

Khi nào ông H, bà N trả hết tiền cho vợ chồng ông, hoặc ông G bỏ tiền ra trả thay cho ông H bà N 500.000.000 đồng, thì vợ chồng ông K và bà T mới đồng ý giao trả đất và nhà lại cho anh Võ Thanh G. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu gì khác.

Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ông Võ Thanh G nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất từ ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu N, diện tích 1.277,2m², thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, số vào sổ GCN CH01327 tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012, trên đất có căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 84,86m², đã được Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý biến động cho ông G vào ngày 19/11/2021. Như vậy, ông G có đầy đủ quyền của người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013 đối với diện tích đất trên.

Cụ thể, tại Bản trích đo hiện trạng khu đất thửa ngày 09/4/2024 thể hiện:

+ Các điểm 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 là các góc ranh đất theo GCNQSDĐ số CH01327 được UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp ngày 24/12/2012 cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thu N, thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 12, diện tích 1277,2m² (diện tích BĐĐC là 1273,9m²), loại đất ONT+CLN. Ngày 19/11/2021 được Văn phòng Đ1 Chi nhánh T2 xác nhận nội dung chuyển nhượng cho ông Võ Thanh G.

Các vật kiến trúc trên đất:

+ Các điểm 8, 9, 10, 11, 12, 16 là căn nhà bê tông (b1) có diện tích 85,1m² thuộc GCNQSDĐ số CH01327.

Ngày 07/12/2021, ông G thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở này cho Ngân hàng TMCP V – chi nhánh A với số tiền 2.100.000.000 đồng. Khi ngân hàng đến thẩm tra đất thì ông Kim Thành K và bà Lê Thị T ngăn cản, gây ảnh hưởng đến quyền của người sử dụng đất là ông G còn là hành vi vi phạm khoản 10 Điều 12 Luật đất đai năm 2013.

Do đó, ông G yêu cầu ông Kim Thành K và bà Lê Thị T trả lại cho ông G diện tích đất 1.277,2m², công trình kiến trúc và cây trồng có trên đất tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, sổ vào sổ GCN CH01327 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai chính lý biến động cho ông G vào ngày 19/11/2021 cho ông G là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ đó đề nghị áp dụng Điều 158, 160, 163, 164, 166, 169 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 12, 166 Luật đất đai năm 2013 tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

+ Buộc ông Kim Thành K và bà Lê Thị T trả lại cho ông G diện tích đất 1.277,2m², công trình kiến trúc và cây trồng có trên đất tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, sổ vào sổ GCN CH01327 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai chính lý biến động cho ông G vào ngày 19/11/2021 cho ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa anh Võ Thanh G và ông Kim Thành K, bà Lê Thị T là tranh chấp quyền sử dụng đất, phần diện tích đất tranh

chấp thuộc xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019;

[1.2] *Điều kiện khởi kiện:* Tranh chấp giữa anh Võ Thanh G và ông Kim Thành K, bà Lê Thị T là tranh chấp quyền sử dụng đất, đã được hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã A, nhưng không thành; Nên đủ điều kiện khởi kiện để Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Anh Võ Thanh G và ông Kim Thành K, bà Lê Thị T đồng thống nhất phần đất đã được đo đạc theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 09/4/2024 của Công ty TNHH Đ2 có diện tích 1.227,2m² (theo các điểm 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42) là phần đất đang tranh chấp, trong đó có 01 nhà bê tông diện tích 85,1m², căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 84,86m², diện tích sàn 169,72m², khung BTCT, nền lát gạch men, vách gạch, mái tôn, 02 tầng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCNQSDĐ CH01327, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 12 do Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012 cho ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu N, hiện phần đất này được Văn phòng Đ1 – Chi nhánh T2 xác nhận nội dung đăng ký chuyển nhượng cho anh Võ Thanh G ngày 19/11/2021.

Căn cứ theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.227,2m² của anh Võ Thanh G ngày 19/11/2021, nguồn gốc trước đây là của ông Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/4/2002 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Đ, bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 28/12/2005, bà Đ chuyển nhượng cho ông Kim Thành K, bà Lê Thị T vào ngày 10/11/2010; đến ngày 03/12/2012 ông Kim Thành K, bà Lê Thị T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thu N, ông H bà N được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/12/2012, đến ngày 22/11/2019 ông H, bà N chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc O, đến ngày 22/3/2021 bà O chuyển nhượng cho ông H bà N, đến ngày 10/11/2021 ông Võ Thanh G nhận chuyển nhượng lại của ông H bà N; Tất cả các thủ tục chuyển nhượng trên đều có lập hợp đồng công chứng, chứng thực và được Văn P đăng ký đất đai chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất.

Trên đất có một căn nhà cấp 3, Khung BTCT, nền gạch men, vách gạch, mái Tole, 02 tầng diện tích xây dựng 84,86m², diện tích sàn 169,72m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà vào ngày 24/12/2012.

Việc anh Võ Thanh G nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thu N được Văn phòng C1 vào ngày 08/11/2021 đăng ký biến động

đúng quy định, do đó anh Võ Thanh G được nhận chuyển nhượng hợp pháp, có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất theo quy định tại Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013, được hưởng thành quả lao động đầu tư trên đất, được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình; anh G có quyền thực hiện các biện pháp bảo vệ đất.

Nên, việc ông Kim Thành K và bà Trần Thị T1 xâm phạm quyền sử dụng đất của anh Võ Thanh G là trái quy định; Ông K, bà T1 cho rằng phần đất này là của vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho ông H, bà N và do ông H bà N còn nợ tiền ông bà từ năm 2012 đến nay chưa trả, tại phiên tòa, ông bà có ý kiến thỏa thuận, nếu như anh Võ Thanh G thay ông H, bà N trả cho ông bà số tiền 300.000.000 đồng còn nợ, thì ông bà trả lại đất và công trình kiến trúc trên đất để anh G sử dụng, nhưng về phía anh G lại không đồng ý với thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, bà Trần Thị T1 yêu cầu giám định chữ ký dấu lãng tay của bà trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và ông ông H bà N đã được Công chứng vào ngày 03/12/2012, vì bà cho rằng khi chuyển nhượng đất bà và các con bà không đồng ý, do ông K (chồng bà) tự ý chuyển nhượng cho ông H, bà N.

Căn cứ theo quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019, thì: *“Đương sự có quyền yêu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm”*;

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kim Thành K và bà Trần Thị T1 không có yêu cầu phản tố tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông H, bà N hay khiếu nại về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H, bà N cho anh G, cũng như xem xét tính pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho anh Võ Thanh G.

Đồng thời, ông K và bà T1 còn xác định không có chứng cứ nào khác cung cấp và thống nhất về các tài liệu chứng cứ do Tòa án công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Nên việc bà T1 yêu cầu giám định khi tranh luận nhằm để kéo dài việc giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất được pháp luật bảo vệ. Nên yêu cầu này không đúng quy định, nên không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ngoài ra, bà Trần Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng có lời khai và tại phần xét hỏi tại phiên tòa xác định bà và chồng bà (ông Kim Thành K)

cùng chuyển nhượng đất cho ông H, bà N; Nhưng do ông H bà N nợ tiền ông bà chưa trả hết, nên ông K và bà T1 thừa nhận đang khởi kiện ông H, bà N để đòi số tiền còn nợ và tranh chấp hùn vốn mua nhà và đất tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nên việc tranh chấp giữa ông K, bà T1 và ông H, bà N sẽ được xem xét giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Việc giải quyết vụ tranh chấp quyền sử dụng đất, công trình kiến trúc có trên đất giữa anh Võ Thanh G và ông Kim Thành K, bà Trần Thị T1 là vụ án riêng biệt, việc xét xử vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi của ông H, bà N, cũng như mất quyền khởi kiện của ông K, bà T1 đối với ông H, bà N; Nên, Tòa án không đưa ông H bà N vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông K bà T1 có lời khai khi sử dụng đất, ông bà có trồng cây chuối, dứa, bạch đàn... và xây hàng rào xung quanh vào năm 2019 với số tiền 35.000.000 đồng, ông bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với những cây trồng và tiền xây dựng hàng rào nói trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở đó, ông Kim Thành K và bà Trần Thị T1 đã có hành vi cản trở quyền sử dụng của người sử dụng đất được pháp luật thừa nhận cho anh Võ Thanh G; Nên, anh Võ Thanh G yêu cầu ông Kim Thành K và bà Lê Thị T chấm dứt hành vi cản trở, trả lại quyền sử dụng đất và công trình kiến trúc gắn liền với đất là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Anh Võ Thanh G đã nộp tạm ứng: tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: 1.200.000 đồng, công đo đạc: 5.200.000 đồng (theo Hợp đồng dịch vụ đo vẽ hiện trạng Nhà – Đất số 56/HĐDV-ĐV/2024; Anh G đã tự nguyện chịu chi phí này và không yêu cầu ông K, bà T trả lại, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh Võ Thanh G.

[2.4] Do yêu cầu của anh Võ Thanh G được Tòa án chấp nhận, nên ông Kim Thành K và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 158, 160, 163, 164, 166, 169 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 166 và Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ theo khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh G.

Buộc ông Kim Thành K và bà Lê Thị T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, trả lại cho anh Võ Thanh G phần đất diện tích 1277,2m² tại các điểm 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 09/4/2024; trên đất đó có 01 nhà bê tông diện tích 85,1m², căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 84,86m², diện tích sàn 169,72m², khung BTCT, nền lát gạch men, vách gạch, mái tôn, 02 tầng, hàng rào lưới B40, chân gạch không nung và cây trồng có trên phần đất tọa lạc tại xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 12, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH189785, số vào sổ cấp GCN: CH01327 do UBND huyện (nay thị xã) Tịnh Biên cấp ngày 24/12/2012 đã được Văn phòng đăng ký đất đai chính lý biến động cho anh Võ Thanh G vào ngày 19/11/2021.

Đính kèm theo bản án là Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 09/4/2024.

Về án phí:

- Hoàn trả cho anh Võ Thanh G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009421 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;

- Buộc ông Kim Thành K và bà Lê Thị T, mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông Kim Thành K và bà Lê Thị T có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Võ Thanh G (có bà Lê Thị L làm đại diện) là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh An Giang;
- CCTHADS TX. Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

Võ Thanh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Hùng

